

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
**SỞ CÔNG THƯƠNG**

Số: 1594 /SCT-TM  
V/v báo cáo nhanh giá một số mặt  
hàng thiết yếu ngày 08/5/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 08 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Căn cứ công văn số 1958/BCT-TTTN ngày 08/3/2011 của Bộ Công Thương về việc báo cáo hàng ngày về các mặt hàng thiết yếu;

Sở Công Thương Đồng Nai báo cáo nhanh giá cả ngày 08/5/2018 của một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn như sau:

**I. Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm:**

| STT | Mặt hàng                         | ĐVT         | Chợ Biên Hòa |                             | Chợ Long Khánh |                             | Chợ Long Thành |                             | Chợ PhươngLâm |                             |
|-----|----------------------------------|-------------|--------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------|----------------|-----------------------------|---------------|-----------------------------|
|     |                                  |             | Ngày 08/5    | Tăng, giảm so với ngày 07/5 | Ngày 08/5      | Tăng, giảm so với ngày 07/5 | Ngày 08/5      | Tăng, giảm so với ngày 07/5 | Ngày 08/5     | Tăng, giảm so với ngày 07/5 |
| (1) | (2)                              | (3)         | (4)          | (5)                         | (6)            | (7)                         | (8)            | (9)                         | (10)          | (11)                        |
| 1   | Gạo nếp (loại 1)                 | 1.000 đ/kg  | 30           | 0                           | 18             | 0                           | 19             | 0                           | 18            | 0                           |
| 2   | Gạo tẻ (loại thường)             | 1.000 đ/kg  | 12           | 0                           | 12             | 0                           | 12             | 0                           | 12            | 0                           |
| 3   | Gạo tẻ thơm                      | 1.000 đ/kg  | 15           | 0                           | 18             | 0                           | 18             | 0                           | 18            | 0                           |
| 4   | Thịt heo nạc                     | 1.000 đ/kg  | 80           | 0                           | 65             | 0                           | 70             | +10                         | 60            | 0                           |
| 5   | Thịt heo đùi                     | 1.000 đ/kg  | 60           | 0                           | 65             | 0                           | 60             | 0                           | 60            | 0                           |
| 6   | Thịt heo ba rọi                  | 1.000 đ/kg  | 70           | 0                           | 60             | 0                           | 70             | +10                         | 65            | 0                           |
| 7   | Thịt bò phôiê                    | 1.000 đ/kg  | 270          | 0                           | 300            | 0                           | 250            | 0                           | 250           | 0                           |
| 8   | Thịt bò bắp                      | 1.000 đ/kg  | 220          | 0                           | 250            | 0                           | 220            | 0                           | 220           | 0                           |
| 9   | Thịt gà công nghiệp (lông trắng) | 1.000 đ/kg  | 50           | 0                           | 55             | 0                           | 38             | +3                          | 45            | 0                           |
| 10  | Thịt gà tam hoàng (lông màu)     | 1.000 đ/kg  | 70           | 0                           | 75             | 0                           | 60             | 0                           | -             | -                           |
| 11  | Đường trắng RE (Biên Hòa)        | 1.000 đ/kg  | 21           | 0                           | 20             | 0                           | 20             | 0                           | 19            | 0                           |
| 12  | Cá lóc (loại 0,5kg/con)          | 1.000 đ/kg  | 70           | 0                           | 60             | 0                           | 60             | 0                           | 60            | 0                           |
| 13  | Cá diêu hồng                     | 1.000 đ/kg  | 65           | 0                           | 60             | 0                           | 50             | 0                           | 47            | 0                           |
| 14  | Giò lụa                          | 1.000 đ/kg  | 100          | 0                           | 70             | 0                           | 130            | 0                           | 80            | 0                           |
| 15  | Lạp xưởng Vissan (loại 1)        | 1.000 đ/kg  | 160          | 0                           | 220            | 0                           | 200            | 0                           | -             | -                           |
| 16  | Dầu ăn Tường An                  | 1.000 đ/lít | 33           | 0                           | 31             | 0                           | 35             | 0                           | 33            | 0                           |
| 17  | Bột ngọt Ajinomoto               | 1.000 đ/kg  | 58           | 0                           | 58             | 0                           | 58             | 0                           | 58            | 0                           |
| 18  | Mực (loại phổ biến)              | 1.000 đ/kg  | 130          | 0                           | 165            | 0                           | 150            | 0                           | 200           | 0                           |
| 19  | Tôm (loại phổ biến)              | 1.000 đ/kg  | 180          | 0                           | 150            | 0                           | 220            | 0                           | 200           | 0                           |
| 20  | Bắp cải                          | 1.000 đ/kg  | 15           | 0                           | 10             | 0                           | 8              | -2                          | 8             | 0                           |
| 21  | Khoai tây                        | 1.000 đ/kg  | 30           | 0                           | 18             | 0                           | 15             | 0                           | 13            | 0                           |
| 22  | Cà rốt                           | 1.000 đ/kg  | 25           | 0                           | 18             | 0                           | 15             | 0                           | 13            | 0                           |









### **Đánh giá chung:**

Giá một số mặt hàng thiết yếu ngày 08/5/2018 tại các chợ trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định. Riêng chợ Long Thành, một số mặt hàng biến động, cụ thể: giá thịt heo nạc tăng 10.000 đồng/kg (từ 60.000 lên 70.000 đồng/kg), thịt heo ba rọi tăng 10.000 đồng/kg (từ 60.000 lên 70.000 đồng/kg), thịt gà công nghiệp tăng 3.000 đồng/kg (từ 35.000 lên 38.000 đồng/kg), bắp cải giảm 2.000 đồng/kg (từ 10.000 xuống 8.000 đồng/kg),

Trên đây là báo cáo nhanh giá cả một số mặt hàng ngày 08/5/2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Công Thương Đồng Nai kính báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
  - UBND tỉnh;
  - Đài truyền hình Đồng Nai;
  - Báo Đồng Nai;
  - Sở Tài Chính;
  - Sở Thông tin và Truyền thông;
  - Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai;
  - Lãnh đạo Sở Công Thương;
  - Lưu: VT, TM.
- <BaoGia/08/5/2018>

**TL. GIÁM ĐỐC**  
**CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Nguyễn Ngọc Diệu**

